TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** TỈNH TIỀN GIANG Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST Ngày: 22-8-2018 V/v tranh chấp ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Trung.

2. Ông Phùng Văn Luân.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2018/TLST-HN ngày 01 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐXXST-HN ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Hà Thị Hồng Th**, sinh năm 1997. Nơi cư trú: ấp TT, xã THĐ, huyện TP, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt)

2.*Bị đơn*: **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1995. Nơi cư trú: ấp TP, xã THĐ1, huyện TP, tỉnh Tiền Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 5 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Hà Thị Hồng Th trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh L quen biết, tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới năm 2016 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, chị và anh L sống chung với gia đình chồng khoảng 2-3 tháng thì thuê trọ sống. Thời gian sống chung không hạnh phúc do anh L không lo làm ăn thường đi chơi và cờ bạc nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống

cho đến nay. Nay chị xin ly hôn với anh L.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

***Tại bản tự khai ngày 01-7-2018 và quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Thanh L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Th quen biết nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào ngày 09-4-2016 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó một năm thì hai bên phát sinh mâu thuẫn cự cãi nhau do anh không lo làm ăn, mỗi lần cự cãi nhau chị Th bỏ nhà đi thì anh có đi bắt vợ về. Từ tháng 3-2018 vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nay chị Th xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Hà Thị Hồng Th tranh chấp yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thanh L có nơi cư trú: ấp TP, xã THĐ1, huyện TP, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Hà Thị Hồng Th được Tòa án tống đạt hợp lệ, chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Hồng Th và anh Nguyễn Thanh L tổ chức lễ cưới và sống chung từ tháng 4-2016 không có đăng ký kết hôn. Quá

trình sống chung anh chị phát sinh mâu thuẫn cự cãi nhau do anh L không lo làm ăn thường đi chơi và cờ bạc nên chị đã bỏ về nhà mẹ ruột sống từ tháng 3-2018 cho đến nay nên chị xin ly hôn với anh L. Anh L thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn cự cãi nhau do anh không lo làm ăn, nay anh còn thương chị Th nên không đồng ý ly hôn. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho chị Th được ly hôn với anh L. Tuy nhiên, chị Th và anh L tổ chức lễ cưới năm 2016 không có đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Th và anh L là phù hợp với Khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Hà Thị Hồng Th phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39. Khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hà Thị Hồng Th và anh Nguyễn Thanh L là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Không có.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4.Về án phí: Chị Hà Thị Hồng Th phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19295 ngày 31-5-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Chị Th đã nộp đủ án phí HNST.

5. Quyền kháng cáo: Anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Thuyền